**TUẦN 12**:

**BÀI 33: LUYỆN TẬP (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Rèn kỹ năng thực hiện phép nhân với số có hai chữ số

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được các phép tính nhân với số có hai chữ số trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Đọc số sau; 324 567; 345 678  + Câu 2: Cho biết chữ số 3 trong số 324 567 thuộc hàng nào, nêu giá trị của chữ số 3 trong số đó.  + Câu 3: So sánh hai số sau, số nào lớn hơn: 99 899 và 100 001.  + Câu 4: Điền số vào dấu chấm trong dãy số sau: 31 245, 31 255, 31 265, ...........  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | - HS tham gia trò chơi  - Trả lời:  Ba trăm hai mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi bảy  Ba trăm bốn mươi lăm ngìn sáu trăm bảy mươi tám.  + Trả lời chữ số 3 thuộc hàng trăm nghìn, có giá trị là 300 000  + Số 100 001 lớn hơn.  + Số đó là: 31 275  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Rèn kỹ năng thực hiện phép nhân với số có hai chữ số  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Bài 1: Tính.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV mời HS làm bài nhóm 2.    - GV học sinh nêu kết quả thực hiện phép tính.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS làm bài nhóm 2.      - HS báo cáo kết quả thực hiện phép tính.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. | |
| **Bài 2: Đặt tính rồi tính**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV mời HS làm vào vở.    - GV mời HS nộp vở.  + GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2  - HS làm vào vở.      - HS nộp vở.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| **-** GV tổ chức cho học sinh thi điền nhanh kết quả:    - GV mời HS thực hiện nhóm 4  - Nhận xét, tuyên dương | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS thực hiện nhóm 4  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | | |

------------------------------------------------

**BÀI 33: LUYỆN TẬP (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Rèn kỹ năng thực hiện phép nhân với số có hai chữ số

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được các phép tính nhân với số có hai chữ số trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tính.    + Câu 2: Tính.    + Câu 3: Tìm nhanh kết quả phép tính sau:  32 650 + 50 = ?  + Câu 4: Điền số vào dấu chấm trong dãy số sau: 55 460; 55 470; ...........; 55 490  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | - HS tham gia trò chơi  - HS làm bài trên bảng.  - HS làm bài bảng con.  - HS trả lời nhanh kêt quả. | |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Rèn kỹ năng thực hiện phép nhân với số có hai chữ số  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.  **-** Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 3: Làm việc chung cả lớp**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  + Cửa hàng bán mây loại gạo?  + Giá gạo bán như thế nào?  + Bài toán giải bằng mây phép tính  - GV mời 1 HS làm vào vở.  - GV mời một số HS nêu kết quả.  - Mời HS khác nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - 2 loại gạo (gạo nếp và gạo tẻ)  - Gạo nếp: 25 000đ,  gạo tẻ: 18 000đ  - HS trả lời: 3 phép tính.  - HS làm bài.  Bài giải  Số tiền bán gạo tẻ là:  18 000 × 40 = 720 000 (đồng)  Số tiền bán gạo nếp là:  25 000 × 35 = 875 000 (đồng)  Cửa hàng thu được tất cả số tiền là  720 000+875 000 =1595000 (đ)  Đáp số: 1595000 đồng  - Một số HS trả lời.  - Mời HS khác nhận xét.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm. | | |
| **Bài 4: làm vào phiếu học tập.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV mời cả lớp làm vào phiếu học tập.    - GV mời HS đổi phiếu nhận xét kết quả của bạn.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - Cả lớp làm vào phiếu học tập:  Bài giải  a. Ngày đầu người đó chạy được số mét là: 400 × 23 = 9 200 (m)  Ngày thứ hai người đó chạy được số mét là: 400 × 27 = 10 800 (m)  b. Cả hai ngày vận động viên đó chạy được số mét là:  9 200+10 800 = 20 000 (m)  c. Ngày thứ hai chạy được nhiều hơn ngày thứ nhất số mét là:  10 800 – 9 200 = 1 600 (m)  đáp số:  a. Ngày đầu 9 200 m; Ngày thứ hai  10 800m. b. 20 000 m. c. 1 600m  - HS đổi phiếu nhận xét kết quả của bạn.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| **-** GV tổ chức vận dụng: Đọc thông tin và vận dụng vào thực tiễn.  + Mỗi tháng phải trả phí truyền hình bao nhiêu tiền?  + Số tiền một năm phải đóng là bao nhiêu?  - Nhận xét, tuyên dương | | | - HS lắng nghe thông tin.  + 115 0000 đồng  + HS tìm hiểu theo nhóm 2 và chia sẻ thông tin với nhau.  115 000 × 12 = 1 380 000 đồng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | | | |

------------------------------------------------

**Bài 34: CÁC TÍNH CHẤT CỦA PHÉP NHÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hiểu và vận dụng các tính chất (giao hoán, kết hợp, nhân với 1, nhân với 0) của phép nhân

- vận dụng để tính nhanh, tính nhẩm (tính hợp lý) và giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được tính nhanh, tính nhẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tính nhanh:  6 × 5 =  + Câu 2: Tính nhanh.  5 ×6 =  + Câu 3: So sánh kết quả.  6 × 5 và 5 ×6  + Câu 4: Trong phép tính nhân khi đổi chỗ hai thừa số thì tích như thế nào?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | | - HS tham gia trò chơi  - Trả lời:  6 × 5= 30  5 ×6 = 30  6 × 5 = 5 ×6  - Trả lời: Tích không thay đổi    - HS lắng nghe. |
| **1. Khám phá***:*  **-** Mục tiêu:  + Nhận biết các tính chất (giao hoán, kết hợp, nhân với 1, nhân với 0) của phép nhân.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học  **-** Cách tiến hành: | | | |
| **1. Tính chất Giao hoán của phép nhân.**  - GV mời HS cùng thực hiện phép tính.  8 × 3 = ?  3 × 8 = ?  - Vậy 8 × 3 ..?.. 3 × 8  - Trong phép tính nhân khi đổi chỗ hai thừa số thì tích như thế nào?  GV kết luận: *Khi thực hiện phép nhân hai số ta có thể đổi chỗ các thừa số mà tích không thay đổi.*  **2. Tính chất kết hợp của phép nhân.**  - GV mời HS cùng thực hiện phép tính.  - Tính (3 × 5) × 6 = ?  - Tính 3 × (5 × 6) = ?  (3 × 5) × 6 ..?.. 3 × (5 × 6)  GV kết luận: *Khi nhân một tích hai số với số thứ ba ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và số thứ ba.*  **3. Nhân với 1. Nhân với 0.**  - GV mời HS cùng thực hiện phép tính.  6 × 1 = 4 × 0 =  1 × 6 = 0 × 4 =  - GV mời HS nêu nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS cùng thực hiện phép tính.  8 × 3 = 24  3 × 8 = 24  8 × 3 = 3 × 8  HS nêu nhận xét: Tích không thay đổi  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS cùng thực hiện phép tính.  (3 × 5) × 6 = 15 × 6 = 90  3 × (5 × 6) = 3 × 30 = 90  (3 × 5) × 6 = 3 × (5 × 6)  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS cùng thực hiện phép tính.  6 × 1 = 6 4 × 0 = 0  1 × 6 = 6 0 × 4 = 0  - HS nêu nhận xét  + Số nào nhân với 1 cũng cho kết quả bằng chính nó.  + Số nào nhân với 0 cũng cho kết quả bằng 0.  - HS lắng nghe, ghi nhớ. | | |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Hiểu và vận dụng các tính chất (giao hoán, kết hợp, nhân với 1, nhân với 0) của phép nhân.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học  **-** Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 1: Làm việc cá nhân**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV mời cả lớp làm việc cá nhân thi điền nhanh số còn thiếu.    b. GV mời HS làm tương tự như ý a.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - Cả lớp làm việc cá nhân.    - HS điền nhanh kết quả.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |
| **Bài 2: Sinh hoạt nhóm 2.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV mởi cả lớp sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau thảo luận và giải quyết bài toán sau:  a) 126 × 5×2  b) 4 × 76 ×25  c) 5 × 19 ×2  d) 125 × 23 × 8  -GV mời đại diện nhóm trình bày.  -GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - HS làm theo nhóm 2.  a) 126 × 5×2 = 126 × (5×2)  = 126 × 10  = 1260  b) 4 × 76 ×25 = (4×25) × 76  = 100 × 76  = 7 600  c) 5 × 19 ×2 = (5×2) × 19  = 10 × 19  = 190  d) 125 × 23 × 8 = (125×8) × 23  = 1000 × 23  = 23 000  - Đại diện nhóm trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |
| **Bài 1: Làm việc cá nhân**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV mời cả lớp làm việc cá nhân vào vở.    GV mời HS nộp bài làm.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - HS làm việc cá nhân.  Bài giải:  Nhóm người này cần mang theo số kilôgam đồ ăn uống là:  3 × 2 × 5= 30 (kg)  Đáp số: 30 kg  - HS nộp bài làm.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| **-** GV tổ chức vận dụng: Tính số căn hộ trong một khu chung cư,    - Nhận xét, tuyên dương | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS thực hiện.  Bài giải:  Số căn hộ trong một khu chung cư là:  4 × 25 × 12 = 1200 (căn hộ)  Đáp số: 1200 (căn hộ)  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | | | |

------------------------------------------------

**BÀI 35: LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hiểu và vận dụng được tính chất nhân một số với một tổng của phép nhân tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

- vận dụng để tính nhanh tính nhẩm tính hợp lý và giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động vận dụng được tính chất nhân một số với một tổng của phép nhân tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tính nhẩm: 25 ×5 × 4  + Câu 2: Tính . 25 × 11  + Câu 3: 125 × 3 × 8  + Câu 4: Hãy nêu tính chất kết hợp của phép nhân.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | | - HS tham gia trò chơi  - Trả lời:  25 ×5 × 4 = 500  25 × 11 = 275  125 × 3 × 8 = 3 000  - HS nêu.  - HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Hiểu và vận dụng được tính chất nhân một số với một tổng của phép nhân tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học  **-** Cách tiến hành: | | |
| **Bài 1: Sinh hoạt nhóm 2.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV mởi cả lớp sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau thảo luận tính và so sánh giá trị các biểu thức:  a) 5×(4+3) =  5 × 4 + 5 × 3  -GV mời đại diện nhóm trình bày.  + Hai biểu thức có kết quả như thế nào?  b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh họa.  c) Tính.  32 × (200+3)  (125 + 9) × 8  - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS làm theo nhóm 2.  a) 5 × (4 + 3) = 5 × 7  = 35  5 × 4 + 5 × 3 = 20 + 15  = 35  - Đại diện nhóm trình bày.  + HS trả lời điều bằng 35.  - HS Thảo luận nội dung.  *Khi nhân một số với một tổng, ta có thể nhân số đó với từng số hạng của tổng, rồi cộng các kết quả với nhau.*  *Khi nhân một tổng với một số ta có thể nhân từng số hạng của tổng với số đó rồi cộng các kết quả với nhau.*  32 × (200+3) = 32 × 200 + 32 × 3  = 6 400 + 96  = 6 496  (125 + 9) × 8 = 125 × 8 + 9 × 8  = 1000 + 72  = 1072  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **Bài 2: Sinh hoạt nhóm 4.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV mởi cả lớp sinh hoạt nhóm 4, cùng nhau thảo luận tính và so sánh giá trị các biểu thức:  a) 6×(7 - 5) =  6 × 7 - 6 × 5  -GV mời đại diện nhóm trình bày.  + Hai biểu thức có kết quả như thế nào?  b) Thảo luận nội dung và lấy ví dụ minh họa.  c) Tính.  28× (10 - 1)  (100 - 1) × 36  - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS làm theo nhóm 2.  a a) 6×(7 - 5) = 6 × 2  = 12  6 × 7 - 6 × 5 = 42 - 30  = 12  - Đại diện nhóm trình bày.  + HS trả lời điều bằng 12.  - HS Thảo luận nội dung.  *Khi nhân một số với một hiệu, ta có thể nhân số đó với số bị trừ và số trừ, rồi trừ các kết quả cho nhau.*  *Khi nhân một hiệu với một số ta có thể nhân lần lượt số bị trừ và số trừ với số đó, rồi trừ các kết quả cho nhau.*  28 × (10 - 1) = 28 × 10 - 28 × 1  = 280 - 28  = 252  (100 - 1) × 36 = 100 × 36 - 1 × 36  = 3600 - 36  = 3564  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **Bài 3:.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV mởi cả lớp làm bài ca nhân:  -GV mời HS trình bày.  -GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - HS làm bài.  + Cách 1:  93 × 8 + 93 × 2 = 744 + 186  = 930  + Cách 2:  93 × 8 + 93 × 2 = 93 × (8 + 2)  = 93 × 10  = 930  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| **-** GV tổ chức: thảo luận hai cách tính số viên gạch.    - Nhận xét, tuyên dương | | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | | |

**BÀI 36: NHÂN VỚI 10, 100, 1000,...**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách thực hiện phép nhân số tự nhiên với 10, 100, 1000,....

- vận dụng để tính nhanh tính nhẩm khi nhân với 10, 100, 1000,....

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động vận dụng để tính nhanh tính nhẩm khi nhân với 10, 100, 1000,.....

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tính nhẩm: 125 ×5 × 8  + Câu 2: Tính . 25 × 11  + Câu 3: 25 × 3 × 4  + Câu 4: Hãy nêu tính chất kết hợp của phép nhân.  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  - Trả lời:  125 ×5 × 8 = 5000  25 × 11 = 275  25 × 3 × 4 = 300  - HS nêu.  - HS lắng nghe. |
| **1. Khám phá***:*  **-** Mục tiêu:  + Biết cách thực hiện phép nhân số tự nhiên với 10, 100, 1000,....  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học  **-** Cách tiến hành: | |
| **a) 47 × 10.**  - GV mời HS cùng thực hiện phép tính  47 × 10 = ?  + Khi đổi chỗ các thừa số phép tính 47 × 10 ta được phép tính nào?  + Nhẩm: 1 chục × 47 = 47chục = 470.  + Vậy: 47 × 10 = ?  **a) 47 × 100.**  - GV mời HS cùng thực hiện phép tính  47 × 10 = ?  + Khi đổi chỗ các thừa số phép tính  47 × 100 ta được phép tính nào?  + Nhẩm: 1 trăm × 47 = 47trăm = 4700.  + Vậy: 47 × 100 = ?  \*Khi nhân một số với 10 100 1000 ta làm như thế nào?  GV nhận xét, tuyên dương. | - HS cùng thực hiện phép tính.  **+** Ta được phép tính 10×47  47 × 10 = 470  - HS cùng thực hiện phép tính.  **+** Ta được phép tính 100×47  47 × 10 = 4700  - HS nêu. *Khi nhân một số với 10, 100, 1000,... ta chỉ việc viết thêm 1, 2, 3,... chữ số 0 vào bên phải số đó* |
| **2. Luyện tập***:*  **-** Mục tiêu:  + Thực hiện được phép nhân số tự nhiên với 10, 100, 1000,....  + Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học  **-** Cách tiến hành: | |
| **Bài 1: tính nhẩm**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV mời cả lớp làm việc cá nhân để thực hiện các nhiệm vụ:    - GV mời HS trình bày kết quả của mình, mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1  - Cả lớp làm việc cá nhân.  - HS trình bày kết quả của mình, mời các HS khác nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **Bài 2: Sinh hoạt nhóm 2.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV mởi cả lớp sinh hoạt nhóm 2, cùng nhau thảo luận và giải quyết bài toán sau:  -GV mời đại diện nhóm trình bày.    -GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - HS làm theo nhóm 2.  - Đại diện nhóm trình bày.  3×50=3×5×10=15×10=150  3×200=3×2×100=6×100=600  2×4000=2×4×1000=8×1000=8000  2×80=2×8×10=16×10=160  4×300=4×3×100=12×100=1200  3×7000=3×7×1000=21×1000=21000  9×70=9×7×10=70×10= 700  5×300=5×3×100=15×100=1500  6×2000=6×2×1000=12×1000=12000  - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **Bài 3: Sinh hoạt nhóm 3.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV mởi cả lớp sinh hoạt nhóm 3, cùng nhau thảo luận và giải quyết bài toán sau:  -GV mời đại diện nhóm trình bày.    GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  - HS làm theo nhóm 2.  - Đại diện nhóm trình bày.    - HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **Bài 4: Làm bài cá nhân**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.  - GV mởi cả lớp làm vào vở bài tập:  -GV mời HS nộp vở.  - GV nhận xét một số vở. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 4.  - HS làm vào vở bài tập.  Bài giải:  43 thùng như vậy chứa tất cả số cuốn sổ ghi chép là:  43 × 1000 = 43 000 (cuốn sổ)  Đáp số: 43 000 cuốn sổ.  - HS nộp vở.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | |
| **-** GV tổ chức vận dụng: trò chơi “Đố bạn”  + Mỗi học sinh sẽ nêu một phép tính một số nhân với 10 100 hoặc 1000để đố bạn.    - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS thực hiện.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  .................................................................................................................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | |